

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thúy N, sinh năm 1990;

ĐKKHKT: Thôn B, xã D, huyện G, thành phố H.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức B, sinh năm 1986;

ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện G, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2022;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thúy N và anh Nguyễn Đức B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của chị Đỗ Thúy N và anh Nguyễn Đức B, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị N và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 08/01/2017.

Giao cháu Nguyễn Đức H cho anh Nguyễn Đức B là bố được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, chị N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh B kể từ tháng 04/2022 đến khi cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi, hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Chị N và anh B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng: Chị N và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thúy N chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Đỗ Thúy N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0073122 ngày 22/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm. Hoàn trả chị Đỗ Thúy N 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- UBND xã D (GCNKH số 16 ngày 29/3/2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Tạ Thị Ngân**